

BỘ XÂY DỰNG

THÔNG TƯ số 06/2000/TT-BXD ngày 04/7/2000 hướng dẫn thực hiện Quyết định số 178/1999/QĐ-TTg ngày 30/8/1999 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế Ghi nhãn hàng hóa lưu thông trong nước và hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu đối với mặt hàng vật liệu xây dựng.

Căn cứ Quyết định số 178/1999/QĐ-TTg ngày 30/8/1999 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế Ghi nhãn hàng hóa lưu thông trong nước và hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, dưới đây gọi là Quy chế;

Căn cứ Thông tư số 34/1999/TT-BTM ngày 15/12/1999 của Bộ Thương mại hướng dẫn thực hiện Quyết định số 178/1999/QĐ-TTg ngày 30/8/1999 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế Ghi nhãn hàng hóa lưu thông trong nước và hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu;

Bộ Xây dựng hướng dẫn một số điểm cụ thể để thi hành thống nhất ghi nhãn đối với các loại hàng hóa vật liệu xây dựng và cơ khí xây dựng, dưới đây gọi chung là vật liệu xây dựng như sau:

I. QUY ĐỊNH CHUNG

1. Phạm vi áp dụng: Các sản phẩm vật liệu xây dựng được sản xuất tại Việt Nam để lưu thông trong nước và để xuất khẩu; hàng hóa sản xuất tại nước ngoài được nhập khẩu để tiêu thụ tại thị trường Việt Nam (trừ hàng hóa tạm nhập tái xuất hoặc hàng hóa gia công cho nước ngoài) đều phải có nhãn hàng hóa và thực hiện việc ghi nhãn hàng hóa theo quy định hướng dẫn của Thông tư này.

Hàng hóa vật liệu xây dựng nói trên bao gồm:

- Nhóm các chất kết dính: xi măng, clinker, vôi xây dựng, các chất kết dính khác.

- Nhóm vật liệu xây: gạch xây nung và không nung các loại.

- Nhóm vật liệu lợp: ngói nung, ngói không nung, tấm lợp các loại (amiăng, xi măng, nhựa, kim loại).

- Nhóm vật liệu chịu lửa, cách âm, cách nhiệt: vật liệu chịu lửa các loại, vật liệu xốp, vật liệu nhẹ cách nhiệt, keramzit và các sản phẩm khác cùng nhóm.

- Vật liệu ốp lát: gạch hoa, gạch ceramic, gạch granit, gạch granito, gạch lá nem, gạch thẻ.

- Nhóm vật liệu vệ sinh cấp thoát nước: sứ vệ sinh, chậu rửa, phụ tùng vệ sinh.

- Nhóm sản phẩm bê tông và hỗn hợp bê tông: cấu kiện bê tông, ống bê tông, bê tông thương phẩm.

- Nhóm sản phẩm phụ gia hóa học cho xây dựng: phụ gia hóa dẻo, chống thấm, dẫn nở và sản phẩm khác cùng nhóm.

- Nhóm sản phẩm kính xây dựng: kính phẳng, kính in hoa, kính gương, kính phản quang.

- Nhóm sản phẩm trang trí hoàn thiện nội thất: sơn, vôi ve màu, tấm trang trí trần, nền, cửa sổ, cửa di.

- Nhóm sản phẩm đá, cát, sỏi.

- Nhóm sản phẩm cơ khí xây dựng: máy nhào đùn sản xuất gạch, máy nghiền bi, kẹp hàm, đập búa, dầm dùi, dàn giáo, ke, khóa, bản lề, tấm lót, bi dạn, phụ tùng thay thế và các sản phẩm khác cùng nhóm.

- Nhóm sản phẩm thép xây dựng, thép kết cấu: cột, dầm, khung dàn thép, thép xây dựng.

2. Việc ghi nhãn hàng hóa:

a) Đối với hàng hóa vật liệu xây dựng có bao bì

đóng gói việc ghi nhãn hàng hóa được thực hiện bằng cách ghi trực tiếp vào bao bì hoặc được thể hiện bằng bản ghi sau đó gắn, cài, dính chắc chắn vào bao bì.

b) Đối với hàng hóa vật liệu xây dựng không có bao bì đóng gói việc ghi nhãn hàng hóa được thực hiện bằng cách ghi trực tiếp vào sản phẩm hoặc nhãn được cài, dính kèm theo hàng hóa trưng bày tại nơi bán hàng hoặc ghi vào phiếu riêng để chuyển cho khách hàng.

3. Ngôn ngữ trình bày nhãn hàng hóa đối với hàng hóa nhập khẩu:

a) Theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 5 của Quy chế, đối với hàng hóa nhập khẩu để lưu thông, tiêu thụ tại thị trường Việt Nam khi ký kết hợp đồng nhập khẩu thương nhân phải yêu cầu phía cung cấp hàng chấp nhận ghi thêm trên phần nhãn nguyên gốc bằng tiếng nước ngoài các thông tin thuộc nội dung bắt buộc bằng tiếng Việt Nam nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho người tiêu dùng Việt Nam dễ dàng lựa chọn và sử dụng hàng hóa.

b) Nhãn phụ quy định tại điểm b khoản 3 Điều 5 của Quy chế được hiểu là nhãn ghi bằng tiếng Việt Nam với các nội dung bắt buộc được dán, dính kèm theo hàng hóa cung cấp cho người mua trước hoặc sau khi đã hoàn thành thủ tục hải quan.

+ Nhãn phụ được sử dụng trong trường hợp thương nhân nhập khẩu không thỏa thuận được với phía nước ngoài cung cấp hàng ghi trên phần nhãn nguyên gốc các thông tin thuộc nội dung bắt buộc bằng tiếng Việt Nam.

+ Nhãn phụ không làm che lấp phần nhãn nguyên gốc bằng tiếng nước ngoài các hàng hóa có tính chất sử dụng phức tạp và đòi hỏi tính an toàn, có kèm theo tài liệu thuyết minh hướng dẫn sử dụng bằng tiếng nước ngoài đều phải có bản

dịch ra tiếng Việt Nam và kèm theo bản gốc tiếng nước ngoài cung cấp cho người mua.

+ Nhãn phụ còn phải được dán, dính hoặc kèm theo hàng hóa tại nơi bán hàng đối với hàng hóa không có bao bì.

+ Tên của thành phần cấu tạo hàng hóa là chất hóa học trên nhãn phụ phải ghi bằng tiếng Việt Nam hoặc bằng tên La tinh hoặc bằng công thức hóa học.

II. GHI NỘI DUNG NHÃN HÀNG HÓA

A. NỘI DUNG BẮT BUỘC

1. Tên hàng hóa:

a) Tên hàng hóa vật liệu xây dựng được chọn lựa ghi nhãn hàng hóa thực hiện theo quy định tại khoản 1, 2, 3, 4 Điều 6 của Quy chế, phải căn cứ vào công dụng chính và tính chất đặc trưng tự nhiên của hàng hóa để đặt tên hoặc mô tả. Việc đặt tên hàng hóa theo khoản 4 Điều 6 của Quy chế cần tránh nhầm lẫn tên hàng hóa với tên hiệu của nhà sản xuất hoặc tên chủng loại của hàng hóa. Ví dụ: Xi măng poóc lăng hỗn hợp (là tên hàng hóa); Bim Sơn, Hà Tiên I (là tên hiệu của nhà sản xuất).

b) Việc chọn tên hàng hóa trong bảng phân loại hàng hóa HS quốc tế để ghi lên nhãn hàng hóa quy định tại khoản 3 Điều 6 của Quy chế được hiểu là chỉ ghi tên hàng hóa mà không phải ghi mã số HS phân loại hàng hóa lên nhãn hàng hóa.

2. Tên và địa chỉ thương nhân chịu trách nhiệm về hàng hóa:

a) Tên và địa chỉ thương nhân chịu trách nhiệm về hàng hóa vật liệu xây dựng là tên và địa chỉ của thương nhân theo đăng ký hoạt động

kinh doanh. Địa chỉ gồm có: số nhà, đường phố (thôn, xóm), phường (xã), quận (huyện, thị xã), thành phố, tỉnh.

b) Theo quy định tại khoản 2 Điều 7 của Quy chế, việc ghi tên và địa chỉ của thương nhân chịu trách nhiệm về hàng hóa do mình lắp ráp được hiểu là áp dụng cho cả việc đóng gói lại hàng hóa để bán. Tên và địa chỉ cơ sở đóng gói được ghi là: cơ sở đóng gói... hoặc đóng gói tại....

3. Định lượng hàng hóa:

Đơn vị đo lường dùng để thể hiện định lượng hàng hóa vật liệu xây dựng là đơn vị đo lường hợp pháp của Việt Nam, theo hệ đơn vị đo lường quốc tế SI (System International). Đơn vị đo, ký hiệu đơn vị đo, cách dùng đơn vị đo, kích cỡ chữ và số trình bày định lượng hàng hóa được thực hiện theo quy định ở Thông tư số 34/1999/TT-BTM ngày 15/12/1999 của Bộ Thương mại.

4. Thành phần cấu tạo:

a) Thành phần cấu tạo của hàng hóa vật liệu xây dựng được ghi theo quy định tại Điều 9 của Quy chế là thành phần khoáng hoặc thành phần hóa học được tạo thành trong công nghệ sản xuất ra hàng hóa và hình thành giá trị của sản phẩm. Đối với hàng hóa vật liệu xây dựng dưới dạng vật liệu nguyên khai như cát, đá, sỏi, đất sét, nguyên liệu sản xuất vật liệu xây dựng, thành phần cấu tạo là hàm lượng thành phần khoáng hóa tự nhiên của hàng hóa đó.

b) Các hàng hóa vật liệu xây dựng sau đây bắt buộc phải ghi thành phần cấu tạo: sơn xây dựng, phụ gia xây dựng, bi đạn, tấm lót, clinker, thạch cao.

5. Chỉ tiêu chất lượng chủ yếu:

a) Chỉ tiêu chất lượng được ghi lên nhãn hàng hóa là chỉ tiêu chất lượng chủ yếu quyết định giá trị sử dụng chính của mặt hàng đó được chọn ra trong tiêu chuẩn Việt Nam, tiêu chuẩn xây dựng,

tiêu chuẩn ngành, tiêu chuẩn xí nghiệp hoặc tiêu chuẩn quốc tế mà Việt Nam công bố áp dụng. Ví dụ: xi măng PCB 30 TCVN 6260 : 1997; Gạch đặc đất sét nung: GD 60-100-TCVN 1451 : 1998.

b) Ngoài chỉ tiêu chất lượng chủ yếu bắt buộc ghi nhãn hàng hóa theo quy định, thương nhân có thể ghi thêm các chỉ tiêu chất lượng khác lên nhãn hàng hóa nếu thấy cần thiết.

6. Ngày sản xuất:

Tất cả các loại hàng hóa vật liệu xây dựng đều phải ghi ngày sản xuất. Ngày sản xuất được thể hiện trên nhãn hàng hóa được viết tắt là NSX. Ví dụ: NSX 19.05.00 (sản xuất ngày 19 tháng 5 năm 2000).

7. Hướng dẫn sử dụng và bảo quản:

Tất cả các loại hàng hóa vật liệu xây dựng đều phải có hướng dẫn sử dụng và bảo quản (trừ các loại hàng hóa có tính chất sử dụng đơn giản). Hướng dẫn sử dụng và bảo quản được ghi trực tiếp vào bao bì hoặc được ghi vào bản thuyết minh kèm theo hàng hóa để cung cấp cho người mua. Hướng dẫn sử dụng và bảo quản của hàng hóa được ghi trên nhãn hàng hóa là hướng dẫn sử dụng và bảo quản phù hợp với TCVN, TCXD, TCN hoặc tiêu chuẩn quốc tế mà Việt Nam công bố áp dụng.

8. Xuất xứ của hàng hóa:

Đối với hàng hóa vật liệu xây dựng xuất khẩu, nhập khẩu, trên nhãn hàng hóa bắt buộc phải ghi tên nước xuất xứ.

B. NỘI DUNG KHÔNG BẮT BUỘC

1. Các nội dung không bắt buộc có thể ghi lên nhãn hàng hóa hoặc trong bản thuyết minh kèm theo hàng hóa được quy định tại Điều 14 của Quy chế.

2. Thương nhân có thể ghi trên nhãn hàng hóa hoặc trong bản thuyết minh tài liệu kèm theo hàng hóa các nội dung (nếu có) như mã số, mã vạch do tổ chức mã số, mã vạch Quốc gia cấp; nhãn hiệu hàng hóa đã được bảo hộ sở hữu công nghiệp; các loại huy chương đã được khen thưởng; các chứng nhận sản phẩm hàng hóa đạt tiêu chuẩn chất lượng quốc tế; số hiệu lô hàng được sản xuất; các dấu hiệu quốc tế được dùng cho vận chuyển bảo quản; số điện thoại, số fax.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Bộ Xây dựng giao Vụ Quản lý vật liệu xây dựng và Vụ Khoa học công nghệ hướng dẫn và kiểm tra các đơn vị trong ngành thực hiện quy định ghi nhãn hàng hóa theo Thông tư này.

Sở Xây dựng phối hợp với Sở Thương mại các tỉnh, thành phố có trách nhiệm hướng dẫn và kiểm tra việc thực hiện các quy định của Thông tư này đối với các tổ chức, cá nhân sản xuất kinh doanh vật liệu xây dựng thuộc địa phương.

2. Thông tư này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày kể từ ngày ký. Các loại hàng hóa vật liệu xây dựng có cách ghi nhãn trái với quy định của Thông tư này sau thời điểm Thông tư có hiệu lực là vi phạm hành chính trong lĩnh vực hoạt động thương mại.

3. Thời hạn giải quyết tồn đọng:

Đối với các loại hàng hóa vật liệu xây dựng đã ghi nhãn theo mẫu cũ trước ngày Thông tư này có hiệu lực thì được tiếp tục lưu thông cho đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2000./.

KT. Bộ trưởng Bộ Xây dựng
Thứ trưởng

TỔNG VĂN NGA

QUYẾT ĐỊNH số 14/2000/QĐ-BXD ngày 20/7/2000 ban hành Định mức chi phí tư vấn đầu tư và xây dựng.

BỘ TRƯỞNG BỘ XÂY DỰNG

Căn cứ Nghị định số 15/CP ngày 02/3/1993 của Chính phủ quy định nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm quản lý nhà nước của các Bộ, cơ quan ngang Bộ;

Căn cứ Nghị định số 15/CP ngày 04/3/1994 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 52/1999/ND-CP ngày 08/7/1999 của Chính phủ ban hành Quy chế Quản lý đầu tư và xây dựng và Nghị định số 12/2000/ND-CP ngày 05/5/2000 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế Quản lý đầu tư và xây dựng ban hành kèm theo Nghị định số 52/1999/ND-CP ngày 08/7/1999 của Chính phủ;

Theo đề nghị của Viện trưởng Viện Kinh tế xây dựng,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Định mức chi phí tư vấn đầu tư và xây dựng.

Điều 2. Quyết định này thay thế cho Quyết định số 45/1999/QĐ-BXD ngày 02 tháng 12 năm 1999 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc ban hành Định mức chi phí tư vấn đầu tư và xây dựng và có hiệu lực thi hành thống nhất trong cả nước sau 15 ngày kể từ ngày ký.

Điều 3. Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Bộ trưởng Bộ Xây dựng

NGUYỄN MẠNH KIỂM